

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng”, mã số KC.10/16-20

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2016 về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016-2020: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng”, mã số KC.10/16-20;

Căn cứ các Quyết định số 3734/QĐ-BKHCN ngày 28/11/2016, Quyết định số 3735/QĐ-BKHCN ngày 28/11/2016, Quyết định số 3736/QĐ-BKHCN ngày 29/11/2016, Quyết định số 3738/QĐ-BKHCN ngày 29/11/2016, Quyết định số

3739/QĐ-BKHCN ngày 29/11/2016 về việc thành lập hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia bắt đầu thực hiện từ năm 2017 thuộc Chương trình KC.10/16-20;

Xét kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, mã số KC.10/16-20” bắt đầu thực hiện từ năm 2017;

Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế-Kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục 15 (mười lăm) nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, mã số KC.10/16-20” bắt đầu thực hiện từ năm 2017.

(Chi tiết trong Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước phối hợp với Vụ trưởng Khoa học và công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức Hội đồng tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTH.



Phạm Công Tạc



Phụ lục

DANH MỤC 15 NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 “NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN PHỤC VỤ BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG”, MÃ SỐ KC.10/16-20 BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 4010/QĐ-BKHCN ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A.	Đề tài				
1	Nghiên cứu xây dựng và áp dụng quy trình điều phối ghép tạng tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none">- Xác định nhu cầu ghép tạng (thận, gan, tim, phổi, tụy và ruột) tại Việt Nam;- Xây dựng quy trình điều phối ghép tạng phù hợp với điều kiện Việt Nam;- Đánh giá kết quả áp dụng quy trình điều phối ghép tạng.	<ul style="list-style-type: none">- Bản báo cáo về nhu cầu ghép tạng và danh sách chờ ghép tạng;- Quy trình điều phối ghép tạng phù hợp với điều kiện Việt Nam;- Ít nhất 01 trường hợp được ghép tạng dựa trên quy trình điều phối ghép tạng;- Bản báo cáo kết quả áp dụng quy trình điều phối ghép tạng.	Tuyển chọn	



TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
2	Nghiên cứu ứng dụng tế bào gốc trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình ứng dụng tế bào gốc trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; - Đánh giá tính an toàn và hiệu quả của ghép tế bào gốc trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định và quy trình sử dụng tế bào gốc trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; - Tiêu chí lựa chọn bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính để điều trị bằng tế bào gốc trung mô đồng loài; - Tiêu chí đánh giá kết quả điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính bằng tế bào gốc trung mô đồng loài; - Bản báo cáo đánh giá kết quả ứng dụng tế bào gốc trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. 	Tuyển chọn	
3	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PET/CT và sinh học phân tử trong chẩn đoán và điều trị ung thư thực quản.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình ứng dụng kỹ thuật PET/CT trong chẩn đoán bệnh ung thư thực quản; - Xây dựng được quy trình xác định các đột biến liên quan đến bệnh ung thư thực quản bằng phương pháp phân tích toàn bộ hệ gen biểu hiện; - Xây dựng các quy trình điều trị bệnh ung thư thực quản không có chỉ định phẫu thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình ứng dụng kỹ thuật PET/CT trong chẩn đoán xác định, chẩn đoán giai đoạn, xác định các thể tích cần chiếu xạ và lập kế hoạch xạ trị trong ung thư thực quản; - Quy trình đánh giá sự biến đổi gen ở bệnh nhân ung thư thực quản; - Quy trình xác định các đột biến (đột biến điểm - SNP và InDel) liên quan đến bệnh ung thư thực quản bằng phương pháp phân tích toàn bộ hệ gen biểu hiện; - Chỉ định và quy trình điều trị bệnh ung thư thực quản không có chỉ định phẫu thuật (hóa xạ trị, điều trị đích); - Bản báo cáo đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật PET/CT và sinh học phân tử trong chẩn đoán và điều trị ung thư thực quản. 	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
4	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PET/CT và xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT), xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT) trong chẩn đoán và điều trị ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình ứng dụng kỹ thuật PET/CT trong chẩn đoán ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt; - Xây dựng được quy trình ứng dụng kỹ thuật xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT), xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT) trong điều trị ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt; - Đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật PET/CT và xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT), xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT), trong chẩn đoán và điều trị ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình ứng dụng kỹ thuật PET/CT trong chẩn đoán xác định, chẩn đoán giai đoạn, xác định các thể tích cần chiếu xạ và lập kế hoạch xạ trị trong ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt; - Chỉ định và quy trình ứng dụng kỹ thuật xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT), xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT) trong điều trị ung thư phổi; - Chỉ định và quy trình ứng dụng kỹ thuật xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT), xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT) trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt; - Bản báo cáo đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật PET/CT và xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung (VMAT), xạ trị dưới hướng dẫn hình ảnh (IGRT) trong chẩn đoán và điều trị ung thư phổi, ung thư tuyến tiền liệt. 	Tuyển chọn	
5	Nghiên cứu bào chế cream, miếng dán giảm đau tại chỗ chứa capsaicinoid từ ớt (<i>Capsicum spp.</i>).	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình bào chế cao định chuẩn từ ớt có tiêu chuẩn chất lượng tương đương với Dược điển Anh 2016; - Xây dựng được quy trình bào chế cream và miếng dán có tác dụng giảm đau tại chỗ chứa cao ớt định chuẩn, chất lượng tương đương sản phẩm đối chiếu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình sản xuất cao ớt định chuẩn ở quy mô 50 kg nguyên liệu/mẻ; - Quy trình bào chế cream và miếng dán chứa cao ớt định chuẩn ở quy mô 1.000 đơn vị sản phẩm/mẻ; - Tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu (quả ớt); - Tiêu chuẩn cơ sở của cao ớt định chuẩn tương đương với Dược điển Anh 2016; - Tiêu chuẩn cơ sở của thành phẩm tương đương với tiêu chuẩn của sản phẩm đối chiếu; 	Tuyển chọn	

10/10/2023

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được tính kích ứng da và tác dụng giảm đau tại chỗ của chế phẩm trên thực nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả đánh giá độ ổn định của cao Ốt định chuẩn và các thành phẩm; - Báo cáo kết quả đánh giá tính an toàn và tác dụng giảm đau tại chỗ của các thành phẩm; - Cao Ốt định chuẩn đạt tiêu chuẩn cơ sở: 10 kg; - 3.000 đơn vị sản phẩm đạt tiêu chuẩn cơ sở cho mỗi loại cream và miếng dán chứa cao Ốt định chuẩn. 		
6	<p>Nghiên cứu điều chế thuốc phóng xạ ^{18}F-Sodium fluoride và ^{32}P-Chromic phosphate.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình điều chế thuốc phóng xạ ^{18}F-Sodium fluoride (Na^{18}F) đạt tiêu chuẩn Dược điển Anh 2016; - Xây dựng được quy trình điều chế thuốc phóng xạ ^{32}P-Chromic phosphate ($\text{Cr}^{32}\text{PO}_4$) đạt tiêu chuẩn Dược điển Mỹ 39; - Đánh giá được tính an toàn; hiệu quả chẩn đoán của Na^{18}F và hiệu quả điều trị của $\text{Cr}^{32}\text{PO}_4$ trên động vật thực nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình điều chế thuốc phóng xạ Na^{18}F quy mô 1.000 mCi/mẻ; - Quy trình điều chế thuốc phóng xạ $\text{Cr}^{32}\text{PO}_4$ quy mô 300 mCi/mẻ; - Báo cáo kết quả đánh giá độ ổn định của 02 sản phẩm; - Báo cáo kết quả đánh giá tính an toàn; hiệu quả chẩn đoán của Na^{18}F và hiệu quả điều trị của $\text{Cr}^{32}\text{PO}_4$ trên động vật thực nghiệm; - 3.000 mCi thành phẩm Na^{18}F đạt tiêu chuẩn dược điển Anh 2016; - 1.000 mCi thành phẩm $\text{Cr}^{32}\text{PO}_4$ đạt tiêu chuẩn Dược điển Mỹ 39. 	Tuyển chọn	
7	<p>Nghiên cứu bào chế và đánh giá một số tác dụng sinh học của viên nang có</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình lên men tạo hành đen từ hành tươi Việt Nam quy mô phòng thí nghiệm; - Xây dựng được quy trình bào chế viên nang chứa cao hành đen định chuẩn; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình lên men tạo hành đen quy mô 100 kg hành tươi/mẻ; - Quy trình bào chế cao hành đen định chuẩn; - Quy trình bào chế viên nang chứa cao hành đen định chuẩn quy mô 5.000 viên/mẻ; 	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	chứa cao hành đen định chuẩn.	- Đánh giá được độc tính cấp, bán trường diễn và một số tác dụng sinh học của thành phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở của nguyên liệu, cao hành đen định chuẩn và viên nang thành phẩm, trong đó có chỉ tiêu định lượng ít nhất 01 chất đánh dấu; - Báo cáo kết quả đánh giá độ ổn định của bán thành phẩm và thành phẩm; - Báo cáo kết quả đánh giá độc tính cấp, bán trường diễn của thành phẩm; - Báo cáo kết quả đánh giá tác dụng chống oxy hóa và tăng cường miễn dịch của thành phẩm; - 200 kg hành đen đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 10 kg cao hành đen định chuẩn đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 30.000 viên nang chứa cao hành đen định chuẩn đạt tiêu chuẩn cơ sở, độ ổn định tối thiểu 12 tháng. 		
8	Nghiên cứu một số giải pháp công nghệ để dự phòng bệnh do vi rút Zika và bệnh sốt xuất huyết dengue.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mật độ muỗi <i>Aedes</i> truyền vi rút Zika và vi rút sốt xuất huyết dengue ở Việt Nam; - Xây dựng được quy trình điều chế chế phẩm xua diệt muỗi truyền vi rút Zika và vi rút sốt xuất huyết dengue có nguồn gốc từ thực vật; - Xây dựng được quy trình điều chế chế phẩm dẫn dụ để diệt muỗi, bọ gậy; - Chế tạo được thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ và qui trình vận hành thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ để diệt 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả xác định mật độ muỗi <i>Aedes</i> truyền vi rút Zika và vi rút sốt xuất huyết dengue ở Việt Nam; - Quy trình điều chế chế phẩm xua diệt muỗi truyền vi rút Zika và vi rút sốt xuất huyết dengue có nguồn gốc từ thực vật; - Quy trình điều chế chế phẩm dẫn dụ để diệt muỗi và bọ gậy; - Quy trình chế tạo và vận hành các thiết bị sử dụng chế phẩm dẫn dụ để diệt muỗi và bọ gậy; - Tiêu chuẩn cơ sở của các sản phẩm; - Bản báo cáo đánh giá kết quả ứng dụng các sản phẩm trong cộng đồng. 	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		muối và bộ gây.			
9	Nghiên cứu chế tạo bộ sinh phẩm chẩn đoán vi rút Zika và Chikungunya.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình chế tạo các bộ sinh phẩm chẩn đoán vi rút Zika và Chikungunya ở quy mô phòng thí nghiệm; - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của các bộ sinh phẩm chẩn đoán vi rút Zika và Chikungunya. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đặc điểm dịch tễ học phân tử của vi rút Zika và vi rút Chikungunya; - Quy trình chế tạo các bộ sinh phẩm chẩn đoán vi rút Zika và Chikungunya; - Tiêu chuẩn cơ sở của các bộ sinh phẩm chẩn đoán vi rút Zika và Chikungunya; - Quy trình sử dụng và bảo quản các bộ sinh phẩm chẩn đoán vi rút Zika và Chikungunya; - 500 bộ sinh phẩm mỗi loại đạt tiêu chuẩn cơ sở. 	Tuyển chọn	
10	Nghiên cứu bộ tiêu chí chẩn đoán theo y học cổ truyền và ứng dụng công nghệ tiên tiến để bào chế bài thuốc nam điều trị rối loạn lipid máu.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bộ tiêu chí chẩn đoán rối loạn lipid máu theo y học cổ truyền; - Xây dựng được các quy trình công nghệ để bào chế bài thuốc nam điều trị rối loạn lipid máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ tiêu chí chẩn đoán rối loạn lipid máu theo y học cổ truyền; - Quy trình bào chế cao lỏng, cao định chuẩn từ bài thuốc nam điều trị rối loạn lipid máu; - Quy trình bào chế viên nang chứa cao định chuẩn điều trị rối loạn lipid máu quy mô 10.000 viên/mé; - Tiêu chuẩn nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm; - Báo cáo về độc tính và tác dụng của bán thành phẩm và thành phẩm trên động vật thực nghiệm; - Báo cáo về tác dụng của các sản phẩm trên bệnh nhân rối loạn lipid máu; - 10.000 viên nang đạt tiêu chuẩn cơ sở. 	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
11	Nghiên cứu tác dụng chống viêm, giảm đau của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trên bệnh nhân thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, viêm quanh khớp vai.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính an toàn và tác dụng chống viêm, giảm đau, cải thiện vận động của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trên động vật thực nghiệm; - Xây dựng được quy trình thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trong điều trị thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, viêm quanh khớp vai; - Đánh giá tác dụng chống viêm, giảm đau của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trên bệnh nhân thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, viêm quanh khớp vai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về tính an toàn và tác dụng chống viêm, giảm đau, cải thiện vận động trên động vật thực nghiệm được thủy châm chế phẩm chứa nọc ong; - Chỉ định và quy trình thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trong điều trị thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, viêm quanh khớp vai; - Báo cáo kết quả tác dụng chống viêm, giảm đau của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trong điều trị bệnh thoái hóa cột sống; - Báo cáo kết quả tác dụng chống viêm, giảm đau của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trong điều trị bệnh thoái hóa khớp gối; - Báo cáo kết quả tác dụng chống viêm, giảm đau của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trong điều trị bệnh viêm quanh khớp vai. 	Tuyển chọn	
12	Nghiên cứu chế tạo bộ kit LAMP để chẩn đoán ký sinh trùng sốt rét, sán lá gan lớn, sán lá gan nhỏ, giun lươn đường ruột tại thực địa.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình chế tạo bộ kit LAMP để chẩn đoán ký sinh trùng sốt rét, sán lá gan lớn, sán lá gan nhỏ, giun lươn đường ruột; - Đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu, tính ổn định của các bộ kit. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ chế tạo các bộ kit LAMP để chẩn đoán ký sinh trùng sốt rét, sán lá gan lớn, sán lá gan nhỏ, giun lươn đường ruột tại thực địa; - Tiêu chuẩn cơ sở của 04 bộ kit; - Quy trình sử dụng và bảo quản 04 bộ kit; - Bản báo cáo kết quả đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu của các bộ kit; - 2000 test LAMP chẩn đoán ký sinh trùng sốt rét, 1000 test LAMP chẩn đoán sán lá gan lớn, 1000 test LAMP chẩn đoán sán lá gan nhỏ, 1000 test LAMP chẩn đoán 	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			giun lươn đường ruột đạt tiêu chuẩn cơ sở.		
13	Nghiên cứu bào chế viên nang chứa hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được quy trình bào chế hệ nano tự nhũ hóa (Self-nanoemulsifying drug delivery system – SNEDDS) chứa rosuvastatin; - Xây dựng được quy trình bào chế viên nang chứa SNEDDS rosuvastatin ở quy mô 10.000 viên/mẻ; - Đánh giá được sinh khả dụng của viên nang. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình bào chế SNEDDS rosuvastatin qui mô tương ứng 10.000 viên/mẻ, hiệu suất gắn rosuvastatin tối thiểu 90%; - Quy trình bào chế viên nang chứa SNEDDS rosuvastatin với hàm lượng rosuvastatin 10mg, quy mô 10.000 viên/mẻ; - Tiêu chuẩn cơ sở của SNEDDS rosuvastatin và viên nang; - Hồ sơ đánh giá độ ổn định của SNEDDS rosuvastatin và viên nang; - Hồ sơ đánh giá sinh khả dụng của viên nang; - 30.000 viên nang thành phẩm đạt tiêu chuẩn cơ sở, độ ổn định tối thiểu 24 tháng. 	Tuyển chọn	
B	Dự án SXTN				
1	Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg và Felodipin 5mg giải phóng kéo dài.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg, Felodipin 5mg giải phóng kéo dài; - Đánh giá được tương đương sinh học của thành phẩm so với thuốc đối chiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg, Felodipin 5mg giải phóng kéo dài, quy mô 100.000 viên/mẻ; - Tiêu chuẩn cơ sở của thành phẩm tương đương thuốc đối chiếu; - Báo cáo kết quả đánh giá tương đương sinh học so với thuốc đối chiếu; - Báo cáo kết quả theo dõi độ ổn định của thành phẩm; 	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			- 300.000 viên mỗi loại đạt tiêu chuẩn cơ sở, hạn dùng tối thiểu 24 tháng.		
2	Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bộ kit xác định mức độ đứt gãy ADN của tinh trùng phục vụ chẩn đoán vô sinh nam giới.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bộ kit xác định mức độ đứt gãy ADN của tinh trùng phục vụ chẩn đoán vô sinh nam giới; - Nâng cấp tiêu chuẩn chất lượng bộ kit đạt tiêu chuẩn quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ sản xuất bộ kit xác định mức độ đứt gãy ADN của tinh trùng phục vụ chẩn đoán vô sinh nam giới ở quy mô 1.000 bộ kit/mé; - Tiêu chuẩn cơ sở của bộ kit tương đương tiêu chuẩn quốc tế; - 10.000 bộ kit đạt tiêu chuẩn cơ sở. 	Tuyển chọn	